TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. T **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Bạn**
Ông **Vũ Văn Nở**
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Lê Thị Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T*** *tham gia phiên tòa*: Bà **Võ Thị Lựu** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1145/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2022 về việc ***"Ly hôn"***, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2023 giữa các đương sự sau:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Trung C –** sinh năm 1970

Hộ khẩu thường trú: Tổ 164 (nay là tổ 76 mới) phường M, quận C, thành phố N.
Địa chỉ liên hệ: 60 đường Đ, phường B, quận C, thành phố N
(Có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ D –** sinh năm 1972

Hộ khẩu thường trú: Tổ 164 (nay là tổ 76 mới) phường M, quận C, thành phố N
Địa chỉ tạm trú: 41 đường G, phường S, thành phố T
(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Trung C trình bày tại đơn khởi kiện, đơn đề nghị ngày 11/11/2022: Tôi và bà Nguyễn Thị Mỹ D kết hôn năm 2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh H. Sau khi kết hôn, chúng tôi sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn, chủ yếu là sự khác biệt về cách xử sự, về quan điểm, về lối sống. Vợ chồng đã ly thân nhiều năm. Từ đầu năm 2021 bà D đã bỏ nhà vào sinh sống tại thành phố T. Vì vậy tôi xin ly hôn với bà D.

Tôi và bà D có 02 con chung là Nguyễn Phúc N sinh năm 1996 và Nguyễn Phú Đ sinh năm 2003. Hai con đều đã trưởng thành trên 18 tuổi khỏe mạnh.

Tôi và bà D không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày tại bản tự khai ngày 14/11/2022, biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2022, biên bản hòa giải và tại phiên tòa: Khoảng năm 1995 tôi và ông Nguyễn Trung C chung sống với nhau, đến năm 2002 chúng tôi mới đăng ký kết hôn. Tôi đồng ý ly hôn cùng với việc phân chia tài sản. Còn nếu ông C nói không có tài sản chung thì tôi không đồng ý ly hôn. Tôi không đồng ý ly hôn với ông C vì nếu ly hôn thì ông C sẽ lấy vợ khác sống hạnh phúc còn tôi không có gì cả. Ông C là người xin ly hôn thì ông C phải nộp đơn chia tài sản chung. Ông C muốn ly hôn thì phải chia cho tôi một ít tài sản, tôi không thể ra đi tay trắng. Tôi không nộp đơn yêu cầu giải quyết tài sản chung vì tôi không có giấy tờ gì về tài sản cả. Tôi cũng chưa bao giờ nhìn thấy giấy tờ nhà. Lúc mới kết hôn, tôi và ông C sống ở thành phố T, ông C nghe lời gia đình ông đánh chửi tôi, việc gì cũng phải làm theo ý ông. Năm 2011 tôi và ông C chuyển ra thành phố N sống nhưng cũng không sống được vì ông C đánh đập tôi. Tôi đã bỏ về thành phố T sống 03 năm nay.

Tôi và ông C có 02 con chung là Nguyễn Phúc N sinh năm 1996 và Nguyễn Phú Đ sinh năm 2003. Hai con đã trên 18 tuổi.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung, không xem xét. Nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

- Việc ông Nguyễn Trung C khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ D, xét yêu cầu khởi kiện của ông C là hoàn toàn đúng pháp luật nên chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T. Ông Nguyễn Trung C có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trung C.

** Về nội dung vụ án:* Ông Nguyễn Trung C và bà Nguyễn Thị Mỹ D tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 01 ngày 16/8/2002. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân của ông C và bà D không hạnh phúc, cả hai đã sống ly thân không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Bà D mặc dù không đồng ý ly hôn với ông C nhưng lý do bà đưa ra là yêu cầu ông C chia tài sản cho bà thì mới đồng ý ly hôn. Xét đây không phải là mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và bản thân bà cũng thừa nhận trong thời gian chung sống bà thường xuyên bị ông C đánh đập nên đã bỏ nhà vào thành phố T sinh sống. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C.

- Về con chung: Ông Nguyễn Trung C và bà Nguyễn Thị Mỹ D có 02 con chung là Nguyễn Phúc N sinh năm 1996 và Nguyễn Phú Đ sinh năm 2003. Hai con đã trên 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Trung C trình bày không có tài sản chung và nợ chung. Bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày là giữa bà và ông C có tài sản chung là căn nhà tại thành phố N. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu bà nộp đơn yêu cầu giải quyết tài sản chung nhưng bà D không nộp và có ý kiến rằng ông C là người xin ly hôn thì ông C phải nộp đơn giải quyết tài sản chứ bà không nộp vì bà không có giấy tờ chứng minh tài sản, bà cũng chưa bao giờ nhìn thấy giấy tờ nhà của căn nhà ở thành phố N. Phần ông Nguyễn Trung C thì trình bày rằng giữa ông và bà D không có tài sản chung và nợ chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề tài sản chung và nợ chung trong

vụ án này, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Ông Nguyễn Trung C phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Trung Cđược ly hôn bà Nguyễn Thị Mỹ D.

2/ Về con chung: Cả 02 con đã trên 18 tuổi khỏe mạnh

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4/ Về án phí: Ông Nguyễn Trung C phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng ông C đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005283 ngày 13/6/2022 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố N, ông Nguyễn Trung C đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- *Tòa án nhân dân tỉnh H;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;*
- *Chi cục thi hành án Dân sự Tp T;*
- *UBND xã L-thị xã H-tỉnh H*
(Giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 16/8/2002);
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Đào Dương Thị Phương Dung